

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA H'LEO
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2020/DS-ST

Ngày: 14-9-2020

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Trần Quang Thắng.

- Ông Ksor Y Nai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Y Sơ Mi Niê Kđăm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Hồ Quang Phúc – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020 tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 132/2020/TLST - DS, ngày 21 tháng 5 năm 2020, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2020/QĐXXST-DS, ngày 26 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: - Ông Phạm Văn C, sinh năm 1970; có mặt.

- Bùi Thị T, sinh năm 1973; có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 6, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: - Ông Hồ Đức V, sinh năm 1972; vắng mặt.

- Bà Đặng Thị Tuyết M, sinh năm 1970; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 6, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Phạm Thị N; sinh năm 1962; có mặt.

Địa chỉ: Thôn 6, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình làm việc nguyên đơn ông Phạm Văn C và bà Bùi Thị T trình bày:

Vợ chồng ông Hồ Đức V và bà Phạm Thị N có quan hệ vay tiền với nhau, (bà N là chị ông C), thời gian vay ban đầu ông bà không biết, chỉ thấy bà N gửi tiền ở nhà mình, đến lấy đưa cho ông V bà Mai 02 lần, còn lấy đưa cho vợ chồng ông V vay hay là làm gì thì lúc đó ông bà không biết; ngày 21/12/2019 bà N với vợ chồng ông V đối chiếu nợ (ở nhà ông C), lý do là bà N bị bệnh nên bà N có ủy quyền chuyển số nợ này cho vợ chồng ông C bà T, theo đó hai bên chốt nợ tính cả gốc và lãi thì vợ chồng ông Vinh bà Mai còn nợ 169.000.000 đồng, gia đình ông V bà M có trách nhiệm trả cho ông C bà T, vợ chồng ông V không phải trả số nợ này cho bà N nữa; sau đó, vợ chồng ông V viết giấy vay tiền vợ chồng ông C, hẹn đến tháng 3/2020 (âm lịch) sẽ trả hết nợ, lãi suất là 1,5%/tháng, vợ chồng ông V bà M viết vào giấy là thế chấp toàn bộ cánh cửa trong nhà và mái vòm, 03 cái xe máy chứ thực tế không có thế chấp. Đến hạn trả nợ như cam kết nhưng vợ chồng ông V không trả.

Vì vậy, vợ chồng ông C yêu cầu vợ chồng ông V phải có nghĩa vụ trả số nợ 169.000.000 đồng và lãi suất, nay rút một phần yêu cầu, chỉ yêu cầu vợ chồng ông V trả 120.000.000 đồng; thời hạn trả chậm nhất là ngày 30/12/2020 trả 70.000.000 đồng, còn số nợ 50.000.000 đồng trả vào 30/6/2021.

Nếu ông V bà M không trả đúng như cam kết thì có quyền yêu cầu vợ chồng ông V trả hết 01 lần. Nếu ông V chấp nhận trả nợ như trên thì chúng tôi không yêu cầu trả lãi nữa.

Về án phí dân sự yêu cầu vợ chồng ông V chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình làm việc bị đơn ông Hồ Đức V trình bày:

Gia đình tôi (vợ là Đặng Thị Tuyết M) và bà Phạm Thị N (là chị gái ông Phạm Văn C) có quan hệ vay tiền với nhau, thời gian vay vào đầu năm 2018, mục đích vay về phục vụ cho sinh hoạt, làm ăn kinh tế gia đình, vay bà N là 90 triệu đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận 3%/tháng/1 triệu/tháng (việc này không có chứng cứ cung cấp); sau khi vay gia đình tôi vẫn trả lãi suất đều hàng tháng, gốc chưa trả, đến khoảng giữa năm 2019 do tình hình kinh tế chung cả nước khó khăn, gia đình thu nhập kinh tế khó khăn, mặt khác ông Vinh bị đau phải đi bệnh viện mổ nên không trả được tiền lãi cho bà N.

Đến ngày 21/12/2019 do bà N bị đau nên bà N có ủy quyền chuyển số nợ này cho em trai bà là Phạm Văn C và vợ là Bùi Thị T, theo đó hai bên chốt nợ tính cả gốc và lãi thì vợ chồng tôi còn nợ 169.000.000 đồng, gia đình tôi có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông C, chúng tôi không phải trả số nợ này cho bà N nữa và chúng tôi viết giấy vay tiền vợ chồng ông C, hẹn đến tháng 3 (âm lịch) năm 2020 sẽ trả hết nợ, lãi suất là 1,5%/tháng; vợ chồng tôi viết vào giấy xin thế chấp toàn bộ cánh cửa trong nhà và mái vòm, 03 cái xe máy, thực tế cánh cửa, mái vòm, xe máy chúng tôi vẫn sử dụng.

Nay chấp nhận trả 120.000.000 đồng như vợ chồng ông C yêu cầu; thời hạn trả chậm nhất là ngày 30/12/2020 trả 70.000.000 đồng, còn số nợ 50.000.000 đồng trả vào 30/6/2021, nếu không trả đúng như cam kết thì vợ chồng ông C có quyền yêu cầu vợ chồng tôi trả hết 01 lần. Không chấp nhận chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Tại bản tự khai và trong quá trình làm việc bị đơn bà Đặng Thị Tuyết M trình bày:

Gia đình tôi (chồng là Hồ Đức V) và bà Phạm Thị N (là chị gái ông Phạm Văn C) có quan hệ vay tiền với nhau, thời gian vào đầu năm 2018, mục đích vay về phục vụ cho sinh hoạt, làm ăn kinh tế gia đình, vay bà Nghìn 02 lần là 90 triệu đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận 1 triệu là 2.000 đồng/ngày; sau khi vay gia đình tôi vẫn trả lãi suất đều hàng tháng, gốc chưa trả, đến khoảng giữa năm 2019 do tình hình kinh tế chung cả nước khó khăn, gia đình thu nhập kinh tế khó khăn, với lại chồng tôi bị đau phải đi bệnh viện mổ nên không trả được tiền lãi cho bà N.

Đến ngày 21/12/2019 do bà N bị đau nên bà N có ủy quyền chuyển số nợ này cho em trai bà là Phạm Văn C và vợ là Bùi Thị T, theo đó hai bên chốt nợ tính gốc là 90 triệu và lãi là 79 triệu, tổng cộng 169.000.000 đồng, chúng tôi có viết giấy vay tiền vợ chồng ông C.

Nay chấp trả cho vợ chồng ông C tiền gốc 90.000.000 đồng và lãi suất tính theo ngân hàng, thời gian trả dần trong bốn năm, kể từ ngày Tòa án giải quyết theo pháp luật; về tiền lãi suất do khó khăn chưa trả được nên xin trả tiền gốc trước. Về án phí dân sự tôi không chấp nhận chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Tại biên bản lấy lời khai và quá trình làm việc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị N trình bày:

Tôi và vợ chồng ông V có quan hệ vay tiền với nhau bắt đầu năm 2017, 2018 (không nhớ cụ thể), vay nhiều lần. Do tôi bị đau, không đảm bảo sức khỏe để thu hồi số nợ mà vợ chồng ông V vay nên ngày 21/12/2019 tôi với vợ chồng ông V đối chiếu nợ (tại nhà ông C); sau đó, bà Nghìn có ủy quyền chuyển số nợ này cho vợ chồng ông C, theo đó hai bên chốt nợ tính cả gốc và lãi thì vợ chồng ông V bà M còn nợ 169.000.000 đồng, gia đình ông V bà M có trách nhiệm trả cho ông C bà T, vợ chồng ông V không phải trả số nợ này cho bà N nữa và vợ chồng ông V viết giấy vay tiền vợ chồng ông C, hạn đến tháng 3 (âm lịch) năm 2020 sẽ trả hết nợ, lãi suất là 1,5%/tháng, vợ chồng ông V bà M thế chấp toàn bộ cánh cửa trong nhà và mái vòm, 03 cái xe máy.

Nay yêu cầu ông V cùng vợ là Đặng Thị Tuyết M phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông C số nợ 169.000.000 đồng như đã thỏa thuận. Ngoài ra, không có ý kiến gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo phát biểu quan điểm về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ đã được thu thập tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi

kiện của ông Phạm Văn C, bà Bùi Thị T, cần buộc ông Hồ Đức V, bà Đặng Thị Tuyết M trả cho ông C, bà T số tiền 169.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn ông C, bà T với bị đơn ông V, M là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập bị đơn bà Đặng Thị Tuyết M đến để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; triệu tập ông V, bà M đến tham gia phiên tòa nhưng ông V, bà M đề nghị giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Bà Phạm Thị N và vợ chồng ông Hồ Đức V, bà Đặng Thị Tuyết M có quan hệ vay tiền với nhau; đến ngày 21/12/2019 do bà N bị bệnh, không đảm bảo sức khỏe để thu hồi số nợ mà vợ chồng ông V vay nên bà N với vợ chồng ông V, bà M đối chiếu nợ; sau đó giữa bà N, vợ chồng ông V, vợ chồng ông C có thỏa thuận chuyển nợ như sau: Vợ chồng ông V, bà M có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông C, bà T số tiền 169.000.000 đồng, vợ chồng ông V không phải trả số nợ 169.000.000 đồng cho bà N nữa; sau đó, vợ chồng ông V viết giấy vay tiền vợ chồng ông C 169.000.000 đồng, hạn đến tháng 3/2020 (âm lịch) sẽ trả hết nợ, lãi suất là 1,5%/tháng; vợ chồng ông V, bà M có viết vào giấy vay tiền là thế chấp toàn bộ cánh cửa trong nhà và mái vòm, 03 cái xe máy nhưng thực tế không có thế chấp các tài sản trên.

Đến hạn trả nợ vợ chồng ông C đã yêu cầu ông V, bà M trả nợ nhưng ông bà vẫn không trả số nợ trên. Vì vậy, vợ chồng ông C khởi kiện yêu cầu ông V, bà M trả số tiền 169.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, việc thiết lập hợp đồng vay tài sản giữa bà Phạm Thị N và vợ chồng ông Hồ Đức V, bà Đặng Thị Tuyết M; việc chuyển giao quyền yêu cầu và nghĩa vụ giữa bà N, vợ chồng ông C với vợ chồng ông V là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên đây là giao dịch hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, được quy định tại Điều 365, Điều 463 của Bộ luật Dân sự.

Bà N đã thực hiện xong nghĩa vụ của mình nhưng vợ chồng ông V không thực hiện nghĩa vụ là phải trả tiền đủ, đúng thời hạn đã thỏa thuận. Như vậy, vợ chồng ông V đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 465 của Bộ luật Dân sự. Ông C, bà T là người được bà N chuyển giao quyền

yêu cầu theo Điều 365 của Bộ luật Dân sự. Vì vậy, ông C bà T yêu cầu ông V bà T trả nợ là có căn cứ.

Trong quá trình giải quyết vụ án vợ chồng ông V bà M thừa nhận có nợ số tiền 169.000.000 đồng như phía nguyên đơn yêu cầu, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh; sau đó, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu vợ chồng ông V trả 120.000.000 đồng, nhưng tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu, yêu cầu vợ chồng ông V trả 169.000.000 đồng; xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên cần chấp nhận. Cần buộc ông V, bà M trả cho vợ chồng ông C số tiền 169.000.000 đồng

[3] Về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu về việc yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất. Căn cứ vào khoản 4 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì việc rút một phần yêu cầu trên là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, nên cần đình chỉ yêu cầu trên.

[4] Về thời hạn trả nợ: Trong quá trình giải quyết vụ án vợ chồng ông V cho rằng do kinh tế khó khăn nên không có điều kiện trả ngay số tiền trên cho vợ chồng ông C nên xin trả dần, nhưng vợ chồng ông C không đồng ý, yêu cầu vợ chồng ông V phải trả số nợ trên chậm nhất vào ngày 20/10/2020. Xét thấy, yêu cầu của ông V về thời hạn trả nợ như trên là không hợp lý và không có căn cứ, nên không chấp nhận. Vì vậy, cần buộc ông V, bà M phải trả cho ông C, bà T 169.000.000 đồng chậm nhất là ngày 20/10/2020.

[6] Về án phí dân sự: Cần buộc ông Hồ Đức V, bà Đặng Thị Tuyết M phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Cần trả lại cho ông Phạm Văn C, bà Bùi Thị T số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 70; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 365, Điều 463, Điều 465, Điều 466; Điều 470; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn C, bà Bùi Thị T. Buộc ông Hồ Đức V, bà Đặng Thị Tuyết M phải trả cho ông Phạm Văn C bà

Bùi Thị T số tiền 169.000.000 (Một trăm sáu mươi chín triệu) đồng. Thời hạn trả chậm nhất là ngày 20/10/2020.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 20/10/2020 cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự: Buộc ông Hồ Đức V, bà Đặng Thị Tuyết M phải chịu 8.450.000 (Tám triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho ông Phạm Văn C, bà Bùi Thị T 4.520.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo, theo biên lai số 00008786, ngày 19/5/2020.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Phạm Văn C, bà Bùi Thị T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Hồ Đức V, bà Đặng Thị Tuyết M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS huyện Ea H'Leo;
- Công TTĐT Tòa án;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Đăng Khoa